

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Tổ dân phố Mỹ Hòa, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **BLK 14 Scotts RD, Far East Plaza #05-91/92, Singapore 228213**; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 9 (nay là xóm 5), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Số 135, ngõ 235, phố B, thành phố T, Đài Loan**; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1968;

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ cư trú: xóm 9 (nay là xóm 5), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giấy ủy quyền và đơn xin giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt nam tại Singapore), nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2018, anh đi lao động tại Singapore, do sự xa cách nên giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay nghi ngờ nhau, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại và không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng ngày càng ít liên lạc với nhau. Năm 2019, chị D đưa hai con chung của vợ chồng về ở với bố mẹ chị Dung và chị Dung đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện tại, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Do đó, anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hà Khánh L (đã được đổi tên là Nguyễn Tuệ A), sinh ngày 12/01/2015 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/5/2018. Hiện các con đang được bố mẹ chị D là ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con. Nếu được ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao các con cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu chị D yêu cầu thì anh sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh S đang cư trú và làm việc tại Singapore; do bận công việc và tình hình dịch bệnh Covid đang diễn biến phức tạp nên anh không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: xóm 2, Yên Phong, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt anh.

Theo đơn trình bày ý kiến và đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị đã được gia đình thông báo về việc anh Nguyễn Thanh S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết ly hôn với chị. Chị thừa nhận các nội dung trình bày của anh Sơn là đúng. Chị và anh Sơn có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Năm 2018 anh Sơn đi lao động tại Singapore, do sự xa cách nhau nên giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay nghi ngờ nhau, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, không có tiếng nói chung. Từ đó, giữa vợ chồng ngày càng ít liên lạc với nhau. Năm 2019, chị đưa hai con về ở nhà bố mẹ và đi lao động tại Đài Loan. Từ đó trở đi vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Sơn làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hà Khánh L (nay đã được đổi thành tên Nguyễn Tuệ A), sinh ngày 12/01/2015 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/5/2018. Hiện các con chung đang được bố mẹ của chị là ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị và anh Sơn thỏa thuận: Giao các con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Do chị đang cư trú ở Đài Loan, không thể trực tiếp nuôi con nên chị có nhờ bố mẹ của chị chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Sơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị D đang cư trú và làm việc tại Đài Loan, do khoảng cách địa lý cũng như dịch Covid diễn biến phức tạp nên chị không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho bố của chị là ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Xóm 9 (nay là xóm 5), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nộp tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V:

Chị Nguyễn Thị D là con gái của ông bà, có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thanh S vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng anh Sơn và chị D có 02 con chung là Nguyễn Tuệ A, sinh năm 2015 và Nguyễn Hải N, sinh năm 2018. Sau một thời gian chung sống thì anh Sơn đi nước ngoài nên mẹ con chị D về ở với ông bà. Do Hn

cánh khó khăn nên chị Dung đi lao động ở Đài Loan để kiếm thêm thu nhập, nuôi con. Từ khi chị Dung đi nước ngoài cho đến nay thì các cháu được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay anh Sơn và chị Dung ly hôn và thỏa thuận giao các con cho chị Dung nuôi. Do chị Dung đang ở nước ngoài nên có nhờ ông bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu thì ông bà nhất trí và ông bà không yêu cầu anh Sơn và chị D phải trả tiền công sức trông nom, nuôi dưỡng các cháu. Do điều kiện công việc và bận chăm sóc cháu nhỏ nên ông bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh S hiện đang cư trú tại nước Singapore nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D đang cư trú tại Đài Loan; trước xuất cảnh, anh Sơn và chị D có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Thanh S hiện đang cư trú tại nước Singapore, do bận công việc và tình hình dịch bệnh Covid đang diễn biến phức tạp nên anh không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Xóm 2, Yên Phong, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt nam tại Singapore) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị D đang cư trú tại Đài Loan, do khoảng cách địa lý cũng như dịch Covid diễn biến phức tạp nên chị không có điều kiện về

Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho bố của chị là ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Xóm 9 (nay là xóm 5), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nộp đơn trình bày ý kiến, đơn xin giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn trình bày ý kiến cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu Hn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 10 tháng 6 năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Năm 2018 anh Sơn đi lao động tại nước Singapore, do sự xa cách nên giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay nghi ngờ nhau, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại và không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng ngày càng ít liên lạc với nhau. Năm 2019, chị D đưa hai con chung của vợ chồng về ở với bố mẹ chị Dung và chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện tại, anh Sơn và chị D đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh Sơn nộp đơn xin ly hôn chị Dung tại Tòa án. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Thanh S yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung. Nay ly hôn, anh Sơn và chị D thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Tuệ A sinh ngày 12/01/2015 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/5/2018 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị D đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V (bố mẹ của chị D) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuệ A và Nguyễn Hải N chu đáo cho đến khi chị D về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với Hn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung;

Giao cho chị Nguyễn Thị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 12/01/2015 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/5/2018 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị D đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V (bố mẹ của chị D) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuệ A và Nguyễn Hải N chu đáo cho đến khi chị D về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011515 ngày 26/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Thanh S đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh